TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1936/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-10-2022.
V/v tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Văn Cảm.

2. Bà Lê Thị Xuân Lang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: *Bà Nguyễn Thị Kim Tiễn*- ***Kiểm sát viên.***

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2017 về việc: "Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5040/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 5192/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1972; Quốc tịch: Việt Nam và Hoa Kỳ; Địa chỉ: 1363 Howlett Circle London, Ontario N5K 0K6 Canada (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1974; Địa chỉ: 41 Trần Hưng Đạo, phường NTB, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh- chi nhánh quận B; Địa chỉ: 358 Trường Chinh, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.2. Văn phòng công chứng TB, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 526-528 Cộng Hòa, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.3. Văn phòng công chứng GĐ, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 214/B11 Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.4. Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT; Địa chỉ: 805 Quốc lộ 22 Khu phố 5, thị trấn Củ Chi, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

3.5. Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Trung tâm hành chính quận B 387A Trường Chinh, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Những người tham gia tố tụng khác:

4.1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Yến L, sinh năm 1979; Địa chỉ: 168 Nguyễn Công Trứ, phường NTB, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 010489 quyển số 01.TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Văn phòng công chứng BT ngày 05/9/2017) (có mặt).

4.2. Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Hồng T, sinh năm 1971; Địa chỉ: 162/17A Phan Đăng Lưu, Phường H, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 26295 Quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD lập tại Phòng công chứng số 6 Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/11/2017) (có mặt).

4.3. Người đại diện hợp pháp Văn phòng công chứng TB: Bà Trần Thị Hà, sinh năm 1980, địa chỉ 526-528 Cộng Hòa, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền số 101/2017 GUQ ngày 01/11/2017)- có đơn xin xét xử vắng mặt.

4.4. Người đại diện hợp pháp của Văn phòng công chứng GĐ có bà Hồ Thị Trúc Linh, sinh năm 1987; Địa chỉ: 214/B11 Nguyễn Trãi, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền số 375/VPCCGĐ ngày 19/10/2017) - có đơn xin xét xử vắng mặt.

4.5. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (Sacombank) có người đại diện ông Đỗ Tấn P, sinh năm 1978; địa chỉ: 805 Quốc lộ 22, Khu phố 5, thị trấn Củ Chi, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền số 2338/2017/GUQ-PL&TT ngày 07/8/2017 và giấy ủy quyền số 1005/2017/UQKK-CNCC ngày 18/9/2017 -vắng mặt.

4.6. Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân quận B: Ông Lê Anh Tú, sinh năm 1978; Địa chỉ: Trung tâm hành chính quận B, số 387A Trường Chinh, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 1243/UBND-GUQ ngày 08/7/2022)- có đơn xin xét xử vắng mặt.

4.7. Người đại diện hợp pháp của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh quận B: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; Địa chỉ: Trung tâm hành chính quận B, số 387A Trường Chinh, Phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, là Giám đốc Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận B- có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai, tại các buổi hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh N có người đại diện bà Nguyễn Thị Yến L trình bày:

Bà Nguyễn Thanh N và ông Nguyễn Tuấn V tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 18/3/2016 tại UBND Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng mỗi người sống một nơi nên không còn tin tưởng, thương yêu nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Tuấn V để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Không có.

Về tài sản: Đối với căn nhà 190/6 Bùi Thị Xuân. Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là do Nguyễn Thanh N chuyển tiền về cho ông V vào năm 2013, với 02 lần chuyển cụ thể là lần 01 chuyển vào ngày 23/5/2013 số tiền 25.000 đô Canada, lần 2 chuyển vào ngày 04/6/2013 với số tiền 134.000 đô Canada. Tất cả các lần chuyển tiền đều thông qua ngân hàng do ông V nhận trực tiếp. Sau đó, Nguyễn Thanh N chuyển về Việt Nam cho ông V 03 lần là số tiền 10.000 đô Canada vào ngày 02/7/2013; lần 4 với số tiền 16.000 đô Canada vào ngày 18/7/2013 và lần 5 chuyển 12.000 đô Canada vào ngày 25/7/2013. Tổng cộng số tiền Nguyễn Thanh N chuyển cho ông V để sửa nhà là 38.000 đô Canada.

Đối với 02 mảnh đất ở Củ Chi: Ông V đã mượn bà Nguyễn Thanh N số tiền 90.000 đô Canada, bà Nguyễn Thanh N đã chuyển cho ông V chia làm 03 lần với số tiền lần 1 là 13.000 đô Canada vào ngày 10/8/2013, lần 2 chuyển 62.000 đô Canada vào ngày 28/10/2013 và lần 3 chuyển 13.000 đô Canada vào ngày 05/5/2014. Ông V đã mua lô đất thuộc thửa 613 tờ bản đố số 44 xã Trung Lập Thượng, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh và lô đất thuộc thửa 189 tờ bản đồ số 44 xã Trung Lập Thượng, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi vay tiền, ông V cam kết nếu không trả được tiền cho bà Nguyễn Thanh N thì sẽ trả lại cho bà Nguyễn Thanh N 02 mảnh đất nêu trên.

Nợ chung: Không có.

Nguyên đơn yêu cầu:

- Xác định nhà đất tại 190/6 Bùi Thị Xuân, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản riêng của Nguyễn Thanh N.

- Yêu cầu ông V hoàn trả 90.000 đô Canada đã vay, nếu không trả được thì yêu cầu ông V giao 02 mảnh đất tại Củ Chi cho bà như đã cam kết.

Tại các bản tự khai, đơn yêu cầu phản tố, các biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Tuấn V có người đại diện là ông Vũ Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Ông không được ông V ủy quyền nên quan hệ hôn nhân và con chung giữa ông V và Nguyễn Thanh N, ông không có ý kiến.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông V và Nguyễn Thanh N có khối tài sản chung là nhà đất tại 190/6 Bùi Thị Xuân, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Về 02 thửa đất ở Củ Chi có nguồn gốc là do ông V mua của bà Phạm

Thị Hòa vào năm 2013, đây là tài sản riêng của ông V có trước thời kỳ hôn nhân. Ông V xác định có vay của Nguyễn Thanh N số tiền 90.000 đô Canada.

Tại các bản tự khai, các biên bản hòa giải, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Văn phòng công chứng TB có bà Trần Thị Hà trình bày:

Văn phòng công chứng TB có ông Đoàn Thanh Hải là trưởng văn phòng trình bày: Ngày 19/10/2013, Văn phòng công chứng TB chứng nhận hợp đồng ủy quyền số 023177/HĐ_UQ giữa ông Nguyễn Tuấn V và bà Nguyễn Thanh N. Phạm vi ủy quyền nêu tại Điều 1 của Hợp đồng ủy quyền, thời hạn ủy quyền là 10 năm kể từ ngày ký công chứng hoặc chấm dứt theo quy định của pháp luật. Văn phòng công chứng khẳng định đã tuân thủ quy định của luật công chứng và pháp luật có liên quan. Việc công chứng viên giao dịch nói trên là hoàn toàn khách quan, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nuyện, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tình trạng tài sản tại thời điểm công chứng không có bất kỳ thông tin ngăn chặn nào.

- Văn phòng công chứng GĐ có bà Hồ Thị Trúc Linh trình bày:

Ngày 23/02/2016, Văn phòng công chứng GĐ tiếp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Tuấn V thực hiện hồ sơ tặng cho quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại 190/6 Bùi Thị Xuân, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho bà Nguyễn Thanh N. Qua xem xét toàn bộ giấy tờ do người yêu cầu công chứng cung cấp, Văn phòng công chứng GĐ nhận thấy đủ điều kiện tiếp nhận hồ sơ công chứng. Văn phòng công chứng đã tiếp nhận và tiến hành soạn thảo hợp đồng tặng cho theo yêu cầu của Nguyễn Tuấn V. Các điều kiện tặng cho, giao nhận nhà, giấy tờ nhà, các khoản thuế, phí và lệ phí phát sinh đều do hai bên tự nguyện thỏa thuận và yêu cầu Văn phòng công chứng ghi nhận trong hợp đồng tặng cho. Sau khi đọc lại hợp đồng tặng cho, hai bên đã đồng ý với nội dung của Hợp đồng và đã ký tên, lăn tay vào hợp đồng trước mặt công chứng viên. Công chứng viên đã kiểm tra, đối chiếu toàn bộ giấy tờ bản chính có liên quan lại lần nữa, tất cả đều trùng khớp và hồ sơ công chứng đã đầy đủ theo luật định nên đã ký phát hành hồ sơ, số công chứng là 002508 ngày 23/02/2016. Văn phòng công chứng khẳng định đã tuân thủ quy định của luật công chứng và pháp luật có liên quan. Việc công chứng viên giao dịch nói trên là hoàn toàn khách quan, không vi phạm đạo đức nghề nghiệp. Các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, không ép buộc bên nào và có cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung yêu cầu tặng cho quyền sở hữu và quyền sử dụng đất.

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) có người đại diện ông Đỗ Tấn Phát trình bày:

Không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đối với việc ông Nguyễn Tuấn V ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân quận B có người đại diện là ông Trần Văn Tâm trình bày:

Ngày 12/6/2013, bà Phạm Thị Như Mai chuyển nhượng nhà đất số 190/6 Bùi Thị Xuân, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho ông Nguyễn Tuấn V theo hợp đồng mua bán nhà ở và chuyển nhượng đất ở số 023213 được Phòng công chứng số 4 chứng nhận.

Ngày 26/6/2013, Văn phòng đăng ký đất đai quận B đã cập nhật tên chủ sở hữu mới là ông Nguyễn Tuấn V.

Ngày 23/02/2016, ông Nguyễn Tuấn V đã tặng cho bà Nguyễn Thanh N theo hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 002508/HĐ-CN do Văn phòng công chứng GĐ chứng nhận.

Ngày 07/01/2017, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố chi nhánh quận B đã cập nhật tên chủ sở hữu mới là bà Nguyễn Thanh N trên trang 4 giấy chứng nhận số CH00424 ngày 22/12/2011 do Ủy ban nhân dân quận B cấp nêu trên.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân quận B cấp giấy chứng nhận số CH00424 ngày 22/12/2011 cho bà Phạm Thị Như Mai và cập nhật tên chủ sở hữu mới cho ông Nguyễn Tuấn V là đúng quy định.

Đối với việc đăng ký biến động thay đổi tên chủ sở hữu mới là bà Nguyễn Thanh N được Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh- Chi nhánh quận B thực hiện cập nhật là đúng quy định.

Đối với việc ông Nguyễn Tuấn V yêu cầu hủy tên Nguyễn Thanh N trên giấy chứng nhận thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Văn phòng đăng ký đất đai TPHCM- chi nhánh quận B có ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 07/01/2017, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố- Chi nhánh quận B đã cập nhật tên chủ sở hữu mới là bà Nguyễn Thanh N trên trang 4 giấy chứng nhận số CH00424 ngày 22/12/2011 do Ủy ban nhân dân quận B cấp là đúng trình tự thủ tục. Đối với việc tranh chấp giữa các bên Văn phòng không có ý kiến hay yêu cầu gì, chấp thuận theo phán quyết của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự thống nhất được những nội dung sau:

1. Nhà và đất tại 190/6 Bùi Thị Xuân, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CH00424 ngày 22/12/2011 do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho bà Phạm Thị Như Mai, đã được cập nhật tên chủ sở hữu mới là Nguyễn Thanh N trên trang 4 vào ngày 07/01/2017 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thanh N. Giá trị nhà đất này là 4.000.000.000 đồng.

2. Phần diện tích đất thuộc thửa 613 tờ bản đố số 44 xã Trung Lập Thượng, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03182 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 17/04/2014 và phần diện tích thuộc thửa 189 tờ bản đồ số 44 xã Trung Lập Thượng, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03288

do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 04/7/2014 cho ông Nguyễn Tuấn V là tài sản riêng của ông Nguyễn Tuấn V. Giá trị 02 tài sản này là 2.000.000.000 đồng.

3. Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thanh N rút yêu cầu ông V hoàn trả 90.000 đô Canada đã vay. Ông V không phải thanh toán cho bà Nguyễn Thanh N số tiền này nữa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm" tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh N được ly hôn ông Nguyễn Tuấn V.

2. Đình chỉ yêu cầu ông V hoàn trả 90.000 đô Canada đã vay của bà Nguyễn Thanh N.

3. Về tài sản chung:

Xác định nhà và đất tại 190/6 Bùi Thị Xuân, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử ụng đất ở số CH00424 ngày 22/12/2011 do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho bà Phạm Thị Như Mai, đã được cập nhật tên chủ sở hữu mới là Nguyễn Thanh N trên trang 4 vào ngày 07/01/2017 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thanh N.

Xác định phần diện tích đất thuộc thửa 613 tờ bản đố số 44 xã Trung Lập Thượng, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03182 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 17/04/2014 và phần diện tích thuộc thửa 189 tờ bản đồ số 44 xã Trung Lập Thượng, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03288 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 04/7/2014 cho ông Nguyễn Tuấn V là tài sản riêng của ông Nguyễn Tuấn V.

Dành quyền cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT được quyền khởi kiện ông Nguyễn Tuấn V đối với khoản vay khi có yêu cầu.

Án phí và lệ phí: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly

hôn với ông Nguyễn Tuấn V, nguyên đơn yêu cầu xác định tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân, đòi nợ, bị đơn có phản tố chia tài sản chung khi ly hôn. Nguyên đơn hiện đang cư trú tại 1363 Howlett Circle London, Ontario N5K 0K6 Canada. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tố tụng: Các đương sự bà Nguyễn Thanh N, ông Nguyễn Tuấn V, đại diện của VP Công chứng Tân Bình, Văn phòng công chứng GĐ, Ủy ban nhân dân quận B, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 18/3/2016 tại UBND Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thanh N và ông Nguyễn Tuấn V là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, tại bản tự khai của cả hai đều thừa nhận hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hai vợ chồng không còn liên lạc, không còn sống chung với nhau từ lâu và đồng ý ly hôn để cả hai có điều kiện ổn định cuộc sống. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau. Nay mỗi người sống mỗi nơi, không có khả năng đoàn tụ, hàn gắn, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[3.2] Về con chung: Không có.

[3.3] Về tài sản chung, tại phiên tòa các đương sự thống nhất được như sau:

Các bên xác định nhà và đất tại 190/6 Bùi Thị Xuân, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử ụng đất ở số CH00424 ngày 22/12/2011 do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho bà Phạm Thị Như Mai, đã được cập nhật tên chủ sở hữu mới là Nguyễn Thanh N trên trang 4 vào ngày 07/01/2017 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thanh N.

Các bên xác định phần diện tích đất thuộc thửa 613 tờ bản đố số 44 xã Trung Lập Thượng, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03182 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 17/04/2014 và phần diện tích đất thuộc thửa 189 tờ bản đồ số 44 xã Trung Lập Thượng, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03288 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 04/7/2014 cho ông Nguyễn Tuấn V là tài sản riêng của ông Nguyễn Tuấn V.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thanh N rút yêu cầu đòi ông V hoàn trả 90.000 đô Canada đã vay.

Xét các thỏa thuận nêu trên của các đương sự là tự nguyện, không trái các quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4]. Đối với khoản vay tín dụng giữa ông Nguyễn Tuấn V và Ngân hàng TMCP Thương Tín: Do Ngân hàng không có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Dành cho Ngân hàng TMCP Thương Tín quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

[3.5]. Nợ chung: Không có.

[4] Án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do các đương sự không tranh chấp về giá trị tài sản, thống nhất giá trị nhà và đất tọa lạc 190/6 Bùi Thị Xuân, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là 4.000.000.000 đồng, giá trị 02 thửa đất ở Củ Chi là 2.000.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử dùng làm căn cứ tính án phí sơ thẩm.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các đương sự phải chịu án phí trên giá trị tương ứng giá trị tài sản được nhận.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và 112.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048011 ngày 25 tháng 10 năm 2017 và số tiền 30.075.000 theo biên lai số 0047311 ngày 31/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thanh N còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 81.925.000 đồng.

Ông Nguyễn Tuấn V, phải chịu số tiền án phí sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được nhận là 72.000.000 đồng, nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0047590 ngày 01/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V còn phải chịu án phí sơ thẩm là 50.700.000 đồng.

Chi phí tố tụng: Ghi nhận bà Nguyễn Thanh N tự nguyện chịu chi phí thẩm định giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 38; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 54; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 122; Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh N được ly hôn với ông Nguyễn Tuấn V.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 21 ngày 18/3/2016 tại UBND Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thanh N và ông Nguyễn Tuấn V không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung:

1.3.1. Xác định nhà và đất tại 190/6 Bùi Thị Xuân, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử ụng đất ở số CH00424 ngày 22/12/2011 do Ủy ban nhân dân quận B cấp cho bà Phạm Thị Như Mai, đã được cập nhật tên chủ sở hữu mới là Nguyễn Thanh N trên trang 4 vào ngày 07/01/2017 là tài sản riêng của bà Nguyễn Thanh N.

1.3.2. Xác định phần diện tích đất thuộc thửa 613 tờ bản đố số 44 xã Trung Lập Thượng, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03182 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 17/04/2014 và phần diện tích đất thuộc thửa 189 tờ bản đồ số 44 xã Trung Lập Thượng, huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH03288 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 04/7/2014 cho ông Nguyễn Tuấn V là tài sản riêng của ông Nguyễn Tuấn V.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi ông V hoàn trả 90.000 đô Canada đã vay của Nguyễn Thanh N.

3. Dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng TMCP TT đối với các yêu cầu liên quan đến các hợp đồng tín dụng, lãi suất liên quan đến quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng khi có đơn yêu cầu và các chứng cứ chứng minh tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

4. Án phí, chi phí tố tụng khác:

4.1. Án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng và 112.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0048011 ngày 25 tháng 10 năm 2017 và số tiền 30.075.000 đã nộp theo biên lai số 0047311 ngày 31/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thanh N còn phải nộp số tiền án phí sơ thẩm là 81.925.000 đồng.

Ông Nguyễn Tuấn V, phải chịu số tiền án phí sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được nhận là 72.000.000 đồng, nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.300.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0047590 ngày 01/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V còn phải chịu án phí sơ thẩm là 50.700.000 đồng.

4.2. Chi phí tố tụng khác: Ghi nhận bà Nguyễn Thanh N tự nguyện chịu chi phí thẩm định giá.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiện tòa, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông bà Nguyễn Thanh N thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Kim Khánh